TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/HS-ST
Ngày: 03/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kia;

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Dạ T, sinh ngày 24/01/1986 tại huyện K, tỉnh Gia Lai; nơi thường trú: Tổ A, phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Buôn bán; văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh C và bà Đào Thị Thanh C1; bị cáo có chồng là Nguyễn Phước V và 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Có 01 tiền án về tội "Môi giới mại dâm"; bị tạm giữ từ ngày 27/02/2024 đến ngày 29/02/2024 chuyển tạm giam cho đến nay; có mặt;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thị L, sinh năm 1984; nơi thường trú: Tổ B, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt;

2. Rmah H, sinh năm 2000; nơi thường trú: Thôn I, xã C, huyện C, tỉnh Gia Lai; vắng mặt;

3. Nguyễn Hoàn H1, sinh năm 2000; nơi thường trú: Tổ C, phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt;

4. Nguyễn Lộc A, sinh năm 1997; nơi Tổ C, phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt;

5. Nguyễn Phước V, sinh năm 1980; nơi thường trú: Tổ A, phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt;

6. Nguyễn Thị N, sinh năm 1963; nơi thường trú: Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt;

7. Ngô Thị Mỹ O, sinh năm 1991; nơi thường trú: Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2023, Nguyễn Thị Dạ T, R H'HNhin và Nguyễn Thị L có thỏa thuận Thảo làm môi giới để L và H'HNhin bán dâm và cùng nhau chia tiền. Nếu T có thỏa thuận nhận tiền bán dâm của khách, thì T trích trả tiền thuê phòng và trả cho H và L từ 200.000 đồng đến 250.000 đồng cho một lần bán dâm, số tiền còn lại T được hưởng. Nếu H'HNhin và L trực tiếp thỏa thuận và nhận tiền bán dâm thì L và H'HNhin trả tiền phòng, L và H'HNhin nhận từ 200.000đ đến 250.000đ, còn lại trả tiền môi giới cho T.

Khoảng 18 giờ ngày 27/02/2024, T và R H'HNhin đang ở trong quán cà phê của T, có một người đàn ông không xác định được lai lịch, nhờ T tìm người để mua dâm thì T đồng ý. T bảo người đàn ông này đến Nhà trọ 123 sau đó T mượn xe môtô của một người khách trong quán chở H'HNhin đến Nhà trọ 123. H'HNhin và người đàn ông vào Nhà trọ 123 thuê phòng số 6, người đàn ông sử dụng bao cao su để thực hiện hành vi mua dâm với H'HNhin. Sau khi mua dâm thì bỏ bao cao su trong sọt rác của phòng trọ và trả 300.000 đồng cho H'HNhin. H'HNhin nhận tiền sau đó nhắn tin cho T biết người đàn ông đã trả tiền mua dâm 300.000 đồng. H'HNhin đi ra phía trước Nhà trọ 123 mua bao cao su để sử dụng vào việc bán dâm.

Khoảng 20 giờ cùng ngày, Nguyễn Hoàn H1 và Nguyễn Lộc A gặp T và nhờ tìm giúp 02 gái bán dâm. T thỏa thuận với H1 và Anh trả cho mỗi gái bán dâm 500.000 đồng và T chịu trả tiền phòng. H1 chuyển khoản vào tài khoản số 0345657316 ngân hàng MB của T 500.000đ, còn A đưa tiền mặt cho T 500.000 đồng. T nói H1 và A đến Nhà trọ 123 lấy phòng và đợi. Sau khi nhận phòng, H1 nhắn tin cho T biết số phòng, Lộc A ở phòng số 2 còn H1 ở phòng số 5. T điện thoại cho H và L đến phòng số 2 và phòng số 5 của nhà trọ 123 để bán dâm. Lắm đi vào phòng số 5 gặp Nguyễn Hoàn H1. H'HNhin đến phòng số 2 gặp Nguyễn Lộc A nhưng Anh chê phòng hôi nên H'HNhin điện thoại báo lại cho T. T đến Nhà trọ 123 đề nghị đổi phòng thì lễ tân đổi cho H'HNhin và A qua phòng số 6 rồi T đi về. Khi L, H'HNhin và H1, A đang chuẩn bị thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị Công an thị xã A phát hiện lập biên bản.

Quá trình điều tra đã thu giữ:

- Thu giữ tại phòng số 5 Nhà trọ 123: 02 bao cao su hiệu Super Men chưa sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 106 màu xanh, kèm theo sim số 0971.760.881 của Nguyễn Thị L;

- Thu giữ tại phòng số 6 Nhà trọ 123: 01 điện thoại di động Iphone 6s plus, màu hồng, bên trong lắp sim số 0376678753; 11 bao cao su hiệu Super Men chưa sử dụng, 02 bao cao su trong sọt rác đã sử dụng và số tiền 300.000đ của Rmah H'HNhin;

- Thu giữ của Nguyễn Thị Dạ T: 01 điện thoại di động Iphone Xsmax, màu vàng, gắn thẻ sim số: 0345657316, có ốp lưng bằng nhựa màu đen, có chữ "Lens"; 01 Căn cước công dân số 064186006238 mang tên Nguyễn Thị Dạ T; 01 thẻ ATM của ngân hàng M, tên "NGUYEN THI DA THAO" và số tiền 500.000đ.

Đối với điện thoại đi động mà Nguyễn Hoàn H1 sử dụng trong việc mua dâm, H1 đã đánh rơi khi đi mua thuốc hút. Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không có kết quả.

Quá trình điều tra xác định: Chủ Nhà trọ 123 là bà Nguyễn Thị N, người quản lý Nhà trọ 123 là chị Ngô Thị Mỹ O và chồng của T là ông Nguyễn Phước V đều không biết, không có thỏa thuận, không hưởng lợi từ việc Nguyễn Thị Dạ T môi giới mại dâm nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với bà N, chị O, ông V.

Đối với Nguyễn Thị L, R H'HNhin có hành vi bán dâm; Nguyễn Lộc A, Nguyễn Hoàn H1 có hành vi mua dâm, cơ quan điều tra ra quyết định xử lý hành chính.

2. Cáo trạng số 47/CT-VKS ngày 28/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A truy tố bị cáo Nguyễn Thị Dạ T về tội "Môi giới mại dâm" theo quy định tại điểm d, điểm đ, khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Dạ T phạm tội "Môi giới mại dâm". Đề nghị áp dụng điểm d, điểm đ khoản 2, khoản 4 Điều 328; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 53; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù. Xử phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ. Đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước tiền thu lợi bất chính là 1.300.000đ và các điện thoại di động đã thu giữ; tịch thu tiêu hủy các bao cao su, sim điện thoại và ốp lưng điện thoại; trả lại cho bị cáo căn cước công dân và thẻ ATM. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên, trong quá trình điều

tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Căn cứ biên bản ghi nhận vụ việc ngày 27/02/2024; các vật chứng thu giữ và lời khai của bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, có cơ sở xác định: Từ cuối năm 2023 giữa bị cáo Nguyễn Thị Dạ T và Rmah H2, Nguyễn Thị L có thỏa thuận để T làm môi giới cho L và H2 bán dâm và cùng nhau chia tiền. Vào 18 giờ ngày 27/02/2024, bị cáo đã làm trung gian, dẫn dắt cho R H'Hnhin bán dâm cho một người đàn ông tại phòng số 6 Nhà N thuộc Tổ A, phường A; đến 20 giờ ngày 27/02/2024 cùng lúc bị cáo làm trung gian, dẫn dắt để R H'Hnhin bán dâm cho Nguyễn Lộc A và Nguyễn Thị L bán dâm cho Nguyễn Hoàn H1 tại Phòng số 3 và Phòng số 6 Nhà nghỉ 123. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Môi giới mại dâm" theo quy định tại Điều 328 của Bộ luật Hình sự" với tình 02 tình tiết định khung "Phạm tội 2 lần trở lên" và "Phạm tội với 2 người trở lên" theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị kết án về tội "Môi giới mại dâm" chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý, thuộc trường hợp "Tái phạm", nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, đang có tiền án về tội "Môi giới mại dâm".

[6] Về hình phạt: Bị cáo đã từng bị xử phạt tù về hành vi "Môi giới mại dâm" sau khi chấp hành hình phạt, chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi "Môi giới mại dâm". Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh, lành mạnh và trái với đạo đức xã hội nên cần xử phạt nghiêm. Bị cáo có nhân thân xấu, phạm tội với 02 tình tiết định khung, có 01 tình tiết tăng nặng và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ một thời gian mới bảo đảm tính giáo dục và răn đe. Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, nên cần chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước tiền do phạm tội mà có là 1.300.000đ, trong đó tiền đã thu giữ là 800.000đ, bị cáo Nguyễn Thị Dạ T phải nộp 500.000đ.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội gồm:

+ 01điện thoại di động hiệu Nokia 106 màu xanh của Nguyễn Thị L;

+ 01 điện thoại di động Iphone 6s plus, màu hồng của Rmah H'Hnhin

+ 01 điện thoại di động cảm ứng Iphone Xsmax, màu vàng của Nguyễn Thị Dạ T.

- Tịch thu tiêu hủy công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng: Sim điện thoại số 0971.760.881; Sim điện thoại 0376678753; Sim điện thoại số 0345657316; Ốp lưng bằng nhựa màu đen, có chữ "Lens"; 02 bao cao su hiệu Super Men chưa sử dụng; 11 bao cao su hiệu Super Men chưa sử dụng; 02 bao cao su đã sử dụng;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Dạ T 01 Căn cước công dân số 064186006238 mang tên Nguyễn Thị Dạ T; 01 thẻ ATM của ngân hàng M tên "NGUYEN THI DA THAO".

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 299; Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ điểm d, điểm đ, khoản 2, khoản 4 Điều 328; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 53 Điều 38; khoản 2, khoản 3 Điều 35; Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Dạ T phạm tội "Môi giới mại dâm";

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Dạ T 05 (năm) tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 27/02/2024.

3. Về hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

4. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước tiền do phạm tội mà có là 1.300.000đ (một triệu, ba trăm nghìn đồng), trong đó tiền đã thu giữ là 800.000đ (tám trăm nghìn đồng), buộc bị cáo Nguyễn Thị Dạ T phải nộp 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước các vật chứng gồm:

+ 01điện thoại di động hiệu Nokia 106 màu xanh của Nguyễn Thị L;

+ 01 điện thoại di động Iphone 6s plus, màu hồng, số máy: ML6J2LL/A, số sê ri: F2LQNXSAGRX5, số imei: 353279077022971 của Rmah H;

+ 01 điện thoại di động cảm ứng Iphone Xsmax, màu vàng, có số IMEI1 357266095670648 và IMEI2 357266095640153 (đã qua sử dụng) của Nguyễn Thị Dạ T.

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm:

+ Sim điện thoại số 0971.760.881; Sim điện thoại 0376678753; Sim điện thoại số 0345657316;

+ Ốp lưng bằng nhựa màu đen, có chữ "Lens";

+ 02 bao cao su hiệu Super Men chưa sử dụng; 11 bao cao su hiệu Super Men chưa sử dụng; 02 bao cao su đã sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Dạ T:

+ 01 Căn cước công dân số 064186006238 mang tên Nguyễn Thị Dạ T, sinh năm 1986 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/5/2023;

+ 01 thẻ ATM của ngân hàng M, số in trên thẻ 9704222094196110, tên "NGUYEN THI DA THAO".

(Vật chứng đang bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/5/2024 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã A).

5. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Phước V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 03/7/2024. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Bích Thảo